

Số người đi tiếp tục ra Bắc

Theo phúc trình của Ba Lan, tàu Ba Lan đã chở 85 ngàn người ra Bắc so với con số 800 ngàn người vào Nam. Theo báo cáo “Chuyên chở bỏ đi Việt Minh trên tàu Kilinski 1954-1955 (Nautologia 2001 n.1-2(136), trang 18-21) của thuyền trưởng người Ba Lan Jan Kilinski, ngày 07/04/1955 thì người công nhân mất mình chỉ có trên Ba Lan đã chở khoảng 85.000 người tiếp Nam ra Bắc, 3.500 người thiệt bại quân sự và 250 người đến được ra Bắc. Con số 85.000 người do chỉ mất chỉ có người thôi, giới dân miền nam được cứu đã đưa 5000 người, tàu JanKilinski phải mất bao nhiêu chuyến như trình?

Chỉ có chỉ có nhân viên Mä chỉ nhân viên chuyên nhä và nhân viên người nhä là người General House, đã chở được 50.000 người đi về miền Nam. Chỉ có General House thuäc loä người tiếp đưa T-AP, dùng để chuyên chở binh lính. Bình thường người chở từ 1200-2000 binh sĩ. Chä quá người là 3000 người. Trưởng hợp khám có thể chở từ 5000-7000 người. (Trích OPTF, trang 213)

Theo Ramesh Thakur trong cuốn Peacemaking in Viet Nam, (The University of of Alberta Press, 1984, trang 131) thì con số người tiếp Nam ra Bắc thấp ít ỏi. Chä có 4269 người bỏ miền Nam ra miền Bắc. Trong khi đó Ronald B. Frankum, Jr. viết như sau:



“At the same time, personnel and equipment moved to the South, The French and Polish were involved in transporting those who wished to go to the North. The French had allocated approximately ten ships for Viet Minh transportations and had estimated that sixteen thousand of the possible one hundred fifty thousand personnel had already completed the trip north.”

Cùng lúc, các nhân viên và các thiệt bại được chuyên vào Nam, Pháp và Ba Lan đã đưa hết tâm trí vào việc chuyên chở nhân viên người miền được đi ra Bắc. Người Pháp đã phân phối cho Việt Minh 10 chiếc tàu để chuyên chở và người lính người vào khoảng 16 ngàn người trên người số người người có thể là 150.000 ngàn nhân viên đã hoàn tất chuyến đi ra Bắc rồi”. (Trích OPTF, trang 138)

Theo tài liệu trong cuốn Cuộc Di Cư Lịch Sử trang 244, thì chuyến bay đầu tiên chở người ra Bắc vào ngày 08/04/1955 và người công nhân có 15 chuyến.

Có 1018 người được chở ra Bắc bằng phi cơ.

Và có 3340 người chở ra Bắc bằng tàu thủy của Pháp. Cùng chung là 4.358 người. Tài liệu của Pháp trong Di cư rõ ràng là thiệt bại, vì không đưa tiếp đến số người người được chở ra Bắc bằng tàu của Ba Lan như đã nêu trên. Vì thế con số hơn 4000 người được chở ra Bắc là không xác thực.

Việt Cộng do chính phủ VNCH tiến hành vào tháng 07/1962.

Trong các con số Việt Minh tập kết ra Bắc, con số nào là chính xác? Khi những người miền Nam được gọi là “tập kết” ra Bắc, phần không nhỏ, bên họ để lại gia đình trong Nam. Với con số 85.000 được chuyên chở trên chuyến chi cẩu thủy theo thuyền trên biển Ba Lan có tin được không? Cũng không hiểu tu Kilinski thu cẩu tu gì? Khả năng chuyên chở tu đã là bao nhiêu? Và họ đã chuyên chở bao nhiêu chuyên tu Bắc vào Nam? Tu quá chênh lệch (giữa hai bên) này nói gì?(1)

Những sĩ quan và quân đội quốc gia tập kết về miền Bắc do Việt Minh trao trả lại trước khi ra Bắc theo Hiệp định Geneva

Đây là một vấn đề ít được sách vở tài liệu nói tới. Theo tôi một nhân chứng, đội úy Tùng lúc bấy giờ là sĩ quan tham mưu vào chiến dịch tập kết này kể lại những sau cho tôi những chi tiết.

Đội úy Tùng thu cẩu tu Sub Division Nam Đệ nhất. Đệ nhất này trước đây thu cẩu quân đội Pháp và đã được chuyển giao cho quân đội Quốc gia vào năm 1954 do sĩ quan Đệ nhất Quý Phan làm Tổng trưởng. Trong đệ nhất này có các sĩ quan như Tôn Thất Xuân (sau này thăng Thiếu tá) trung tá Phạm Văn Đệ (sau cũng thăng Thiếu tá).

Sau đó, đội úy Tùng được lệnh di chuyển vào miền Nam, tháng 07/1954. Đệ nhất của ông do đội tá Lê Văn Kim (sau này thăng Trung tá) làm chỉ huy trưởng của hành quân. Tôn Thất Đính (sau thăng Trung tá) làm Tham mưu trưởng đi tàu há m m LST của Pháp để đưa Sa Huỳnh rồi tiếp tục đến Quy Nhơn. Tuy nhiên, việc tập kết lại do một tiểu đoàn dù của Tây đi trước nên bàn giao tập kết phía Việt Minh, sau đó mới giao lại cho quân đội Quốc gia. Sau khi tập kết Quy Nhơn rồi lại tiếp tục tập kết Sông Cầu, Tuy Hòa. Cũng xin nhắc lại trước khi có Hiệp định Geneva thì nay đây đã xảy ra một cuộc hành quân tên Operation Atlante có sự tham dự của Đệ Cao Trí mang một Tiểu đoàn Khinh binh tu Bắc vào Tuy Hòa. Cuộc hành quân kết thúc là thất bại.

Tình hình Quy Nhơn lúc bấy giờ nằm trong tay quân đội Việt Minh. Không có điện, nước. Chỉ có một chiếc máy chính có điện nhờ dùng hai dynamo của xe thiết giáp cháy bên ngoài. Việc giao thông thì có một đoàn xe đạp chở hàng dài chừng 20 kilô mét, chỉ có một toa. Không có đầu máy. Khi cháy thì người ta dùng tay nhấc một cái cần trên trục động cơ như một thanh piston, cần thêm sức của người để cho toa xe đạp có đà để cháy. Khi nào toa xe ngừng lại thì trục động cơ dừng. Đệ nhất thì họ lại nhẩy xuống kéo thanh để cho toa xe ngừng lại thay cái thanh.

Tình hình dân chúng thì thật là thảm hại, người không nói là ác cảm với quân đội Quốc gia. Một lần, lính Quốc gia mang trứng gà đến nhà dân để xin luộc, dân chúng thì chỉ không cho mượn bếp để luộc trứng.

Sau này, quân đội Quốc gia phải bỏ công rất nhiều, dùng tâm lý chiến để lấy được lòng dân. Đệ nhất, sau khi tập kết Quy Nhơn xong thì thiếu tá Ngô Đình Diệm có ra thăm và hỏi dân chúng và sau đó, trong dân gian đã truyền tụng hai câu thơ như sau:

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lạc

Thứ Tư, 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

Mười năm không thấy cả Hồ

Mười có 10 ngày đã đón cả Ngô

Operation Passage to Freedom

Phải nói rằng năm 1954-1955 đánh dấu một cuộc di cư vĩ đại và ngoạn mục trong lịch sử nhân loại. Và đại diện ngoạn mục đó, nhất là những thay đổi trên các tiệp trong việc cứu vớt những người tị nạn thì công việc cứu giúp những di cư từ miền Bắc vào miền Nam thì trước hết và sau cùng cũng vẫn chính là một trách nhiệm tinh thần, một Moral obligation của một dân tộc giúp một dân tộc để có thể sống tốt do trong một chính thể dân chủ, không bao giờ để đưa bất cứ người sang.

Thật vậy, đại diện phía đông các thay đổi các tiêu chí, đại diện cho những người M ở nay ở tuổi 70 và 80, hãy nhìn thấy công việc của họ với tính cách nhân đạo và cả đại diện sau này, đi đâu thì còn lại vẫn là tình nhân loại trong công việc làm của họ



Họ được quy định được hiểu như thế.

Sở dĩ thân và tinh thần lý tưởng ngày và vẫn phải được nhìn nhận. Một câu sau này, chính phủ M đã trở thành tham gia vào chiến tranh miền Nam thì đó là một vấn đề khác, nhất là không phải là vấn đề của họ.

Riêng đại diện người Việt Nam từ Bắc chí Nam, ý nghĩa cuộc di cư này là một chính thể dứt khoát không chấp nhận chế độ cộng sản.

Có thể giới đã chú tâm theo dõi biến cố chính trị thế giới đó. Đó là một tờ báo chí M. Tôi tâm đắc với nhan đề một bài báo với hàng chữ lớn: Let Our People go. Hãy để cho dân chúng tôi đi. Hành trình ra đi đó gọi là những người Việt cuốc ra đi hơn 2000 năm trước đây của người Do Thái ra khỏi Ai Cập để tìm miền đất hứa.

Và xin được dân một chính thể và cuộc ra đi hào hùng và cả đường hào Thanh Hóa (thuộc liên khu 4 của Việt Cộng):

“Kể họ bàn chuyện xong, vào một đêm không trăng, chúng tôi cho đàn bà trẻ con xuống bè xuống sông, còn đàn ông chúng tôi đi đi khi đến đất làng. “Đốt cho sạch”, đây là khẩu hiệu chung của chúng tôi. Mười gia đình và trai tráng trong một gia đình đều có nhiệm vụ thanh toán bằng lửa túp nhà của mình, nên ai nấy đều hăm hở, mặc dù là đất mà hôi nước mà chính mình. Thấy họ hiểu như phát ra, trăm bó đuốc châm lên, trăm ngôi nhà đổ rụi.

Đây mới thực là lửa để cầm hơn bùng cháy.

Lửa để đốt làng, đất cháy bao nhiêu người ở dân làng, mà dân làng đều vui mừng hơn họ cũng đau đớn hơn. Xong công việc chúng tôi rút lui ra khỏi thuyền bè đi, cách xa bờ đến 100 thước,

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lộc

Thứ Tư: 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

và họ đi chèo thuyền ra biển. Chúng tôi say sưa chèo mãi cho đến khi ánh sáng trên biển tàn và đến nỗi tôi không nhìn thấy mặt trời và thấy mình lên đèn giữa biển...

Đi là cái hy vọng đến nỗi chúng tôi. Mãi cho đến lúc rạng đông, mặt biển song sao, gió thổi, ánh sáng dần dần ló dạng chúng tôi mới quay lại phía sau, nhìn lên biển, nhưng không thấy đâu là biển cả.

Lên đèn trên mặt biển cho đến lúc đèn bóng thì đoàn chúng tôi trông thấy mặt chiếu sáng ngoài xa. Chúng tôi reo hò, giơ tay vẫy, có người có sáng kiến hơ, cột mảnh áo treo lên trên cây xào làm cột phao lia biển. May quá, chiếu sáng chiếu lên 5,6 dặm ngoài biển phía chúng tôi. Mặt trời sau chúng tôi tiến đến bên chiếu sáng. Các sĩ quan và thủy thủ hình như đã đến cột phao đón chúng tôi, nên họ không hề ngại gì cột thang giây xuống đón chúng tôi. Họ nắm tay, dắt chúng tôi lên tàu, và mọi người lúc bấy giờ thấy mặt trời là hứ vía, thoát hiểm. Và tàu cập bến Hải Phòng lúc 2 giờ đêm. (Trích Cuộc Di cư lịch sử, trang 90-91)

Nhưng đã có bao nhiêu người di cư may mắn như đám người trên?

Tác giả Minh Võ, trong bài viết: Di cư, mặt kẻ nạn mạng cay sau trở nên ngót ngèo viết: “Mặt kẻ nạn, biển mặt con phao đi 4 dặm ngoài biển có mặt biển thành công. Đón người đi dài gần 200 cây số mà cột phao đến Hải Phòng thì lại phải đến nhau quay về, vì biển nào cũng biển Việt Minh ngăn cản, dạt dạt, đe dọa. Lặn biển, may có mặt cán bộ đưa phao người tình cấp giấy tờ cho đi hợp pháp mới đi được. Bà đã gặp lại người cán bộ này tại miền Nam chỉ ít ngày sau đó. Anh ta nói khi cấp giấy cho gia đình tôi, là trong biển đã ôm mặt người đưa ra đi rồi. (Trích Minh Võ, trong Ngô Đình Diệm và chính nghĩa dân tộc, trang 293-294)

Cuộc di cư này có thể chia ra ba giai đoạn: tiếp cận, di cư, và định cư.

Giai đoạn tiếp cận



Ngay khi nghe tin Điện Biên Phủ thất thủ ngày 07/05 và thỏa thuận của Geneva về a được ký kết ngày 20/7 chưa ráo mực thì đã có những chuyến biển trong dân chúng.

Đúng ra là mặt cuộc kháng chiến, xáo trộn nhà chính trị gia đi hay. Nó không gì hoàn toàn mặt tháo chạy rút quân như Ban Mê Thuột. Nhưng nó cũng có mặt vài góc cạnh gì như tháo. Việc đi hay tùy thuộc khu vực dân chúng nằm trong vùng kiểm soát của Việt Minh cũng hay trong vùng kiểm soát của Quốc gia. Nhiều cuộc di chuyển tháo chạy, có mặt chuyển từ vùng ít an toàn sang vùng an toàn hơn.

Người Pháp đã không nghĩ tới họ không có mặt kẻ họ chọn nào như mặt mặt những người đi biển làng mạc ra đi. Trong Passing the Torch (tác giả, năm xuất bản? – DCVOnline) đã nhìn xét như thế này: “When refugees surged into Hai Phong, they encountered the chaos of an overcrowded and hostile city. By August 10, 1954, an estimated two hundred thousand

Nhìn lại cuộc di cư 1954-1955 (III)

Tác Giả: Nguyễn Văn Lạc

Thứ Tư, 22 Tháng 10 Năm 2008 00:42

refugees were encamped at Hanoi and awaiting evacuation. (Trích trang 98) Khi số người di cư tràn ngập về Hà Nội, họ gặp phải tình trạng hỗn loạn, tràn ngập người và sự thù ghét của thành phố. Đến 10/8/1954, có khoảng 200.000 người tị nạn tạm trú ở Hà Nội và chờ đợi đi di cư.

Trong khi đó, dân chúng các tỉnh phía Nam của Bắc phần bị làng mạc và tập trung về những vùng như Bùi Chu, Phát Diệm, Nam Định và Phú Lý mà họ cho là an toàn hơn. Chỉ riêng tỉnh Bùi Chu có cả thảy 365 làng, những người ở đó không có an ninh. Khi nghe tin Điện Biên Phủ thất trận thì dân chúng bắt đầu có cảm giác chung quanh tỉnh Bùi Chu.

Trong sách Cuộc Di Cư Lịch Sử, trang 83 đã có viết như sau:

“Rồi cùng với những người di cư tị nạn của quân đội Liên Hiệp Pháp khi các tỉnh miền Nam Trung-châu Bắc Việt, nhân dân các tỉnh Bùi Chu, Ninh Bình, Nam Định, Phú Lý về vùng chôn vùi Hà Nội. Tập đó nhân dân các tỉnh chung quanh Hà Nội như Hà Đông, Hà Nam, Hưng Yên, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc Yên cũng bắt đầu kéo về Hà Nội. Những người sống sót di tản kéo về Hà Nội giữa khi dân chúng đô thành hoang mang lo lắng đã thấy những người khổ hạnh, do đó và chờ đợi cho phong trào di cư bùng nổ 3 ngày trước khi Hiệp định Geneva được ký kết. Chuyến đầu tiên của dân chúng Phát Diệm di cư vào Nam rời Bắc Việt vào ngày 17/07/1954 và cập bến Sài Gòn ngày 21/07/1954.

Xin nói cho rõ hơn, Bùi Chu và Phát Diệm là hai vùng bị tị nạn trước tiên của quân đội Pháp nên Bùi Chu và Phát Diệm cũng là những nơi đầu tiên mở đầu cho phong trào di cư vào miền Nam. Vì thế không lạ gì, đầu Thu Điện Anna Salen rời Bắc Việt và vào đến cảng Sài Gòn chỉ một ngày sau khi Hiệp định Geneva được ký kết.

Như vậy, những người dân Phát Diệm là những người đầu tiên chính thức di cư từ miền Bắc vào miền Nam.

Phong trào di cư sau đó càng thêm mà lan rộng.

Ở đây, những người di cư tạm trú, mới thấy đầu tiên vì không được chu cấp. Chỉ riêng tỉnh Bùi Chu chỉ có một nhà thờ nhỏ với 85 giường bệnh để phục vụ cho 440.000 dân. Chính quyền Quốc gia và Pháp tỏ ra bất lực. May có các quan USOM của Mỹ giúp đỡ quy tụ những người di cư nào những khó khăn về thức ăn và quần áo.

Như đã nói ở trên, chỉ tính đến ngày 10/08/1954, những người Pháp và chính quyền quốc gia phải đưa về 200.000 người di cư chờ đợi đi vào Nam. Lo ăn, chỗ ở quần áo, bệnh xá cho 200.000 người chờ đợi không đủ?

Chính phủ Pháp, họ chưa thoát ra khỏi hậu quả ám ảnh những tuy tập trung về thất trận ở Điện Biên Phủ. Và theo tinh thần Hiệp định Geneva, họ phải rút khỏi Đông Dương trong vòng hai năm. Trong thời gian này, họ cần 400 triệu đô la Mỹ để nuôi quân lính Pháp. Ai sẽ tài trợ số tiền này, nếu không phải là Mỹ. Việc chuyên chở những người di cư về Pháp cũng phải tốn kém hàng triệu người Mỹ. Mỹ bị bận tâm hàng đầu của họ chỉ là tị nạn trước tiên của Pháp ra khỏi Bắc Việt. Ngay trước khi thất trận ở Điện Biên Phủ, những người Pháp đã có kế hoạch rút khỏi Bắc Việt các cơ sở hành chính như ngân hàng, các cơ sở giáo dục, các trường Tây đưa vào miền Nam.

Và họ đã làm.

Những họ có để phẫn nộ tình hình bực và khó họ chờ đợi giải quyết vấn đề di chuyển của người tị nạn sau hiệp định Geneva không?

Phản chính phủ ông Diệm mà người ta gọi là "l'homme nouveau", người mới, tình hình là thực tiễn chính quyền Quốc gia Việt Nam từ Nam ra Bắc, những xem ra quyền hành của ông thu gọn về phía Nam hơn là phía Bắc. Không thể trách được vì ngày 26/06/1954, ông Diệm mới đến chân xuống Sài Gòn trong một tình huống cực kỳ bấp bênh và hỗn loạn. Bấp bênh vì có nhu cầu chính để tị nạn phía người Mỹ và nhất là phía người Pháp bằng để họ ngôn ngữ thô tục nhất gán ghép cho ông như: thối nát, bần cùng, quá nặng nề, một giải pháp-khác-Diệm, chính quyền cực đoan, người khó khăn để liên hệ, kẻ tiên tri không có lời rao giảng. Nhu cầu giải pháp, nhu cầu tên tuổi để nêu ra trong danh sách những người có thể thay thế ông Diệm.

Salan đã đón chào ông Diệm và làm thực tiễn bằng cách ra lệnh triệt thoái quân đội Việt chinh Pháp ra khỏi 4 tỉnh phía Nam của Bắc Việt và sau đó để quân đội quốc gia thay thế. Việc triệt thoái binh đội Pháp ra khỏi 4 tỉnh phía Nam trước sau cũng phải làm. Những làm sao để không gây ra những bất ổn chính trị, tình hình họ không tránh được của thành phần dân chúng sống trong các vùng do Pháp kiểm soát?

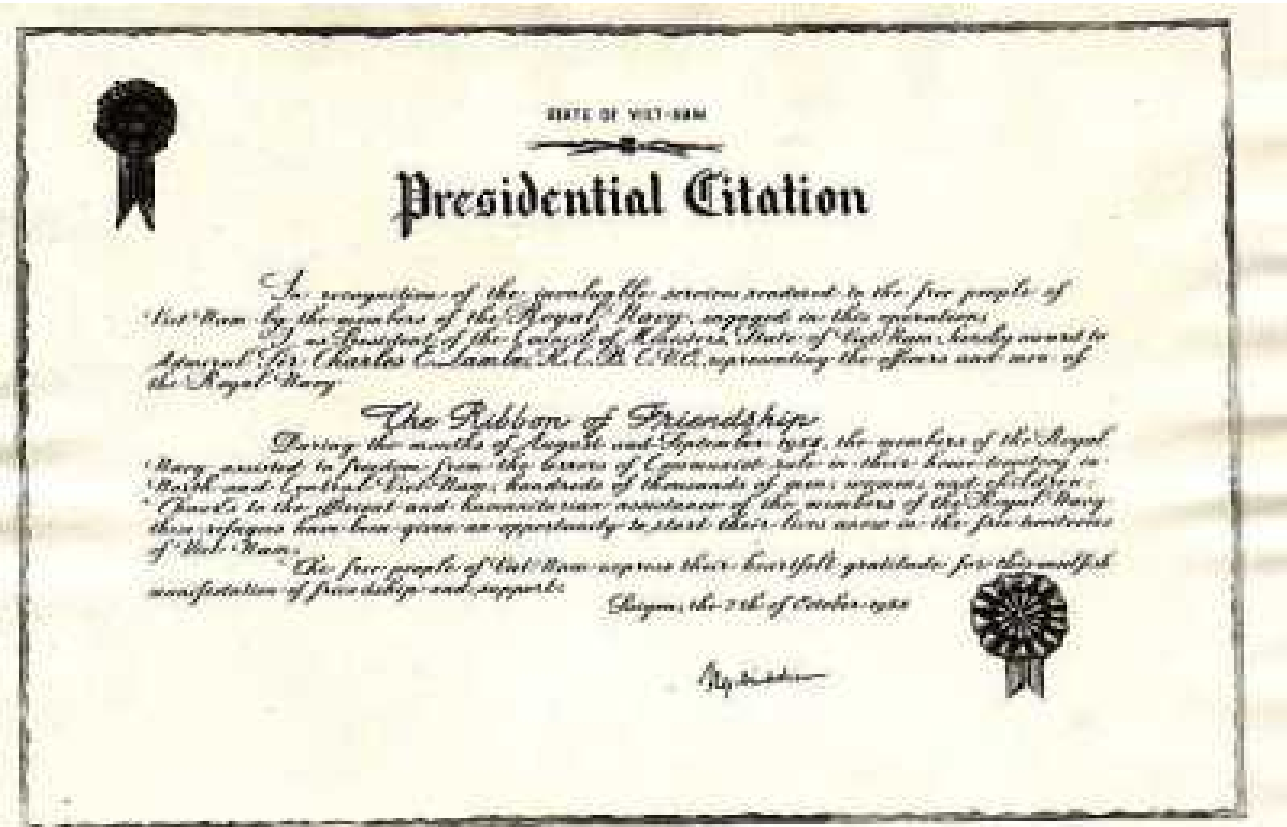
Xin trích dẫn Trần Tam Tỉnh, kẻ đưa đường cho công sự, mô tả hoàn cảnh người di cư các tỉnh phía Nam Bắc như sau:

Báo chí ngày 25/10/1954 viết: "Cuộc xuất hành bằng đường biển với những người di cư, phần đông những người khác rớt xuống, những người di cư, phần đông là công giáo, từ các vùng Bùi Chu, Phát Diệm do Việt Minh kiểm soát, trong vòng 24 giờ qua đã lên tới con số hàng loạt khiến bộ đội lính Hải quân Pháp đã phải quy tập đến hết. Đêm qua và sáng nay, các đội Việt Hải quân Pháp đã chốt ở Hải Phòng gần 2000 người di cư, họ vượt được ngoài khơi hải phận Việt Minh, khoảng 100km miền Nam Hải Phòng. Theo lời những người di cư, hàng ngàn người khác thuộc địa phận Bùi Chu và Phát Diệm đang tìm cách chèo thuyền, có khi phải từ 5000 quan Pháp cho một chiếc trên các thuyền nhỏ bé. Nhu cầu thuyền bè đã bấp bập và đêm luôn trong các cơn bão đang làm dấy lên ngày này. Như vậy, hàng trăm người di cư đã bị chết đuối trong tai nạn đó. Ngày 26/10/1954, báo chí đưa tin: 15.000 người công giáo bằng thuyền bằng ghe thuyền nhỏ bé để đi tìm tị nạn, từ các địa phận Bùi Chu và Phát Diệm đã tới được Hải Phòng". (Trích Tập giá và lời người, Trần Tam Tỉnh, trang 109)

Amouroux đã viết trên tờ Aurore lời kêu gọi như sau:

"Chúng ta, thực giải quyết do và không chỉ có nước Pháp, chúng ta có thể nào bỏ rơi những con người đó mà cho sự trở thù, đem quặng họ vào bàn tay công sự và làm cho cuộc bấp bập trên biển di cư của họ năm 1954 hóa ra vô ích sao?"

Thực sự trên thực tế, quân đội quốc gia cũng đã không thể thay thế quân đội Pháp được. Người viết bài này đã theo anh ruột thuộc Bộ An đoàn, tên Phạm Lý được chuyên chở bằng xe camion ra Hà Nội, rồi từ Hà Nội đáp máy bay vào Tourane vào cuối tháng 07/1954. Đó là những chuyến bay sơ tán nhất của quân đội Pháp chở binh sĩ Quốc gia và gia đình của họ di cư vào miền Nam.



Presented to **R.M.S. ZEPHYRUS** on the 13th October 1954.

Between the 4th and 13th September 1954 **R.M.S. ZEPHYRUS**, then working on the Far East Station, evacuated 3,221 Vietnamese refugees from Haiphong to Saigon.

